TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƯ THANH** **TỈNH THANH HÓA** Số: 86/2020/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc** *Như Thanh, ngày 20 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 72/2020/TLST/HNGĐ ngày 17/6/2020 giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn D** - Sinh năm 1976
Nơi ĐKHKTT: Thôn Thượng H, xã Hải T, thị xã Nghi S, tỉnh Thanh Hoá

- Bị đơn: Chị **Trần Thị K** - Sinh năm 1984
Nơi ĐKHKTT: Thôn Eo S, xã Phú N, huyện Như T - Thanh Hoá

Căn cứ vàoĐiều 212; Điều 213; khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình.
Căn cứ Điều 24; khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị K thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị K thống nhất có 02 con chung là:

+ Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 14/12/2007

+ Nguyễn Anh P, sinh ngày 19/5/2005

Hai bên thống nhất: Anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc L, chị K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Anh P. Anh D, chị K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh D, chị K có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ:* Anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị K thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí:* Anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị K thống nhất: Anh D chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí Anh D phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2018/0006401 ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh. Anh D được trả lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND Huyện Như Thanh;
- Chi cục THADS Huyện Như Thanh;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Nhuận;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Lê Văn Quân